

SỐ 1754

BÀI TỰA KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT NGHĨA SỚ

Thích Nguyên Chiếu soạn

Cõi trước Kham nhẫn, các đường khác nhau ở chung, nước thanh tịnh An Dưỡng, bậc thượng thiện đều hội về. Cho nên biết thai ngục gai góc nên phần chí để lia bỏ hẳn, ao vàng cõi báu hãy gọi thân thức mà thẳng về. Âm thanh hải triều riêng khen ngợi, khắp thấy lang-hàm. Hải chúng trên lầu cao nghe được đầy đủ thanh sử. Nhưng vì cơ nghi khác nhau, v.v... nên dắt dẫn có nhiều môn, hoặc thường khóa mật ngôn, hoặc chuyên trì gia hiệu, hoặc hệ niệm với thời gian nhất định, hoặc tự thanh khiết tu trai, đều đến kịp duyên đương thời. Vẫn còn đầy đủ các kinh điển, chỉ có chánh quán này đều thú hưởng vô sanh tin tưởng là phương cách thân diệu để trừ nghi xả chướng và yếu thật để sống lâu không chết. Xét thấy thuở xưa trước được thọ trì, đọc tụng rất nhiều, mãi đến ngày nay thì thích nghe lợi ích cho chúng. Thẹn từ thuở còn trẻ đủ chuyên tụng tập văn này, chuyển thành không chỗ quay về trong ức kiếp, rất mừng là có chỗ nương trong nhiều đời. Cho nên tác phẩm của các Sư đều y cứ, người đời sau gỡ tìm không biết về đâu, do đó tham rõ danh lý, so sánh xưa nay, chọn lấy chỗ hay đẹp, lược bớt chỗ rườm rà, chỉ thuật lại mà không sáng tác, đâu dám xem thường bậc tu trước. Gom chung chỗ y cứ, ngõ hầu để lại cho người hậu học. Lời văn đơn giản dễ hiểu, mục đích là sửa chữa. Trống nhờ ngón tay chỉ mà thấy trắng, chớ nhọc chấp ngón tay, bờ duyên thuyền đưa đến bờ mà tự hãy quên thuyền. Mong mỗi người vị lai không phụ ơn kiên nhẫn của Vi-đề, kính xin di chúc dám quên lời trùng tuyên của Khánh Hỷ, kính mong trên đây xa giúp về phía Tây.

SỐ 1754

KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT NGHĨA SỚ

Thích Nguyên Chiếu Chùa Sùng Phước ở Tây Hồ Linh Chi.

QUYỂN THƯỢNG

Giải thích kinh này, trước nêu nghĩa môn giúp cho biết được ý chung, sau đó đi vào từng phần văn kinh để giải thích riêng. Trong phần thứ nhất chia làm bốn:

1. Sự hưng khởi giáo pháp.
2. Thuộc về giáo nào.
3. Xác định tông chỉ.
4. Phân biệt sự giống nhau, khác nhau.

I. Sự hưng khởi giáo pháp: gồm có hai:

- Nói về sự hưng khởi giáo pháp Đức Phật nói trong một đời.
- Nói riêng sự hưng khởi giáo pháp của kinh này.

1. Nói về sự hưng khởi giáo pháp mà Đức Phật nói trong một đời. Đức Đại giác Thế tôn từ dấu ấn để lại vì muốn khai thị tri kiến Phật cho chúng sinh để được ngộ nhập, do đây bậc lợi kiến (có cái nhìn sắc bén) thừa thời cơ mà có lợi ích lớn.

Kinh chép: Hễ làm việc gì thường vì một việc, đó là chỉ dùng tri kiến Phật để chỉ bày, tỏ ngộ cho chúng sinh. Đó là biết Đức Phật ra đời, thị hiện diệt độ, âm thanh giáo pháp Tiểu thừa và Đại thừa trong một đời Đức Phật tuy khác nhau nhưng đều giúp cho chúng sinh bình thường tự mình giác ngộ tâm mình, thể tánh bình đẳng với các hàm linh trong

pháp giới, các Đức Như lai trong mười phương không có khác nhau. Đây đủ vô lượng hà sa công đức thù thắng, trùm chứa gom nhiếp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, thanh tịnh vốn như vậy, rộng lớn không bờ mé. Vô số cõi nước nhiều như cát bụi trong pháp giới ở khắp mười phương, đất đai núi sông, y báo, chánh báo nhân quả đều là vật trong tự tâm của chúng ta. Giống như một hòn nước nổi trên biển lớn, cũng giống như đám mây nhỏ giữa bầu trời xanh bao la, như lời kinh sau: Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biển chánh biến tri của các Đức Phật từ tâm tưởng mà sinh. Nên biết tâm ấy tức là Bồ-đề Niết-bàn, vốn là thể thanh tịnh, tức là cảnh giới Đại thừa nhất thật (chân như) mà chẳng phải pháp khác. Vì thế phải xem xét.

Kinh chép: Cảnh giới nhất thật ấy là tâm thể của chúng sinh từ trước đến nay không sinh không diệt, tự tánh thanh tịnh tròn đầy khắp mười phương, rốt ráo là một tướng. Nhưng chỉ vì chúng sinh vô minh si ám, xong ướp chứa nhóm các nhân duyên mà vọng hiện ra các cảnh giới, làm cho sinh niệm đắm nhiễm, chấp ngã và ngã sở, chìm đắm trong sinh tử không tự biết. Đức Phật Như lai trước giác ngộ tâm ấy, thương xót các chúng sinh chưa tỏ ngộ mới từ bi phương tiện giảng nói các kinh. Kinh Hoa Nghiêm đốn giáo chỉ bày ở vườn nai, dần dần dẫn dụ bằng nhiều môn phương tiện trở về nguồn không hai.

Kinh chép: Kẻ tiểu trí chỉ ham muốn tiểu pháp, không tự tin mình làm Phật. Lại chép: Tuy nói ra các thứ các loại đạo lý nhưng thật ra chỉ là Phật thừa. Hoặc ở cõi này phá hoặc để chứng chân thì vận dụng tự sức mình, vì thế nói các kinh Đại thừa và Tiểu thừa. Hoặc đi phương khác nghe pháp để ngộ đạo thì phải nương vào năng lực khác, vì thế nói vãng sinh Tịnh độ. Kia và đây tuy khác nhưng đều là phương tiện khiến tỏ ngộ tự tâm thông suốt các pháp. Sau đó phát tâm Đại thừa, tu đạo Bồ-đề, trên cầu dưới hóa, rốt ráo thành Phật. Vì sử dụng trí tuệ nên không trụ trong sinh tử, vì sử dụng từ bi nên không trụ trong Niết-bàn. Trải qua các cõi nước như số cát bụi, thị hiện ra đời, ca ngợi vắng lặng, giảng nói pháp độ sinh. chúng sinh vô tận nhưng hạnh nguyện và thân cõi cũng không cùng tận.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Ta biết tất cả các Đức Phật trong mười phương rốt ráo không có Niết-bàn, ấy là chỉ vì muốn điều phục chúng sinh nên thị hiện.

Kinh Lăng-già cũng chép: Không có Phật Niết-bàn, cũng không có Niết-bàn Phật. Đó là Đức Phật ra đời vì một việc nhân duyên lớn, các Đức Phật trong mười phương cũng đều như vậy, thì sao lại chỉ có

giáo pháp của Đức Phật Thích-ca hưng khởi ở cõi này mà thôi?

2. Nói riêng sự hưng khởi giáo pháp của kinh này. Vì căn cơ bà Vi-đề-hy hưng khởi nhân duyên Tịnh độ nên vua A-xà-thế làm việc nghịch hại, giam cầm cha mẹ, đau khổ sầu lo. Từ xa hưởng về núi Kỳ-xà-quật thỉnh cầu Đức Phật cứu độ. Đức Phật đại bi thương xót liền đến trong cung sâu, trước nói về ba thứ tịnh phước để làm nhân duyên cứu giúp. Sau đó nói về mười sáu phép quán mẫu nhiệm, chính là chỉ bày cách thức vãng sinh. Ở đây khái quát các văn trình bày sơ lược mười ý:

a. Vì thương xót chúng sinh chịu đựng các thứ khổ không thể nào thoát được. Vì thế kinh chép: Nếu sau khi Đức Phật nhập diệt, các chúng sinh vẫn đục, ác bất thiện, bị năm khổ ép ngặt v.v... Lại chép: vì tất cả đại chúng ở đời vị lai muốn thoát khổ ấy nên nói phương pháp quán đất.

b. Vì thương xót chúng sinh bị các nghiệp ràng buộc không thể nào giải thoát. Vì thế như ở dưới kinh chép: Trừ được các tội nặng trong vô lượng ức kiếp, tám mươi ức kiếp sinh tử v.v...

c. Vì thương chúng sinh phiền não chướng nặng nề, không thể dứt bỏ. Vì thế kinh chép: Hôm nay, đức Như lai vì tất cả chúng sinh đời vị lai bị các giấc phiền não bức hại ấy nên nói nghiệp thanh tịnh.

d. Vì thương chúng sinh phước đức cạn mỏng chịu sự nghèo khổ. Vì thế kinh chép: Chỉ quán tưởng hình tượng Phật còn được vô lượng phước, hưởng chi lại quán đầy đủ thân tướng. Lại chép: Bồ-tát cũng như thế chỉ nghe danh hiệu còn được vô lượng phước, hưởng chi quán kỹ sắc thân.

e. Vì thương chúng sinh theo tà bỏ chánh, cách xa Đức Phật. Vì thế kinh chép: Nếu người niệm Phật sẽ ngồi dưới đạo tràng, sinh vào nhà các Đức Phật v.v...

f. Vì giúp cho chúng sinh xa lìa các đấm nhiễm, an trụ cảnh giới thanh tịnh. Vì thế kinh chép: Nếu có người niệm Phật nên biết người ấy là hoa phân-đà-lợi trong loài người.

g. Vì giúp cho chúng sinh tâm dễ được định. Chẳng kinh chép: Nên chuyên tâm buộc niệm ở một chỗ để quán tưởng phương Tây. Vì nếu không nhất định một phương thì pháp tam-muội khó thành.

h. Vì giúp cho thấy thân, thành tựu tam-muội niệm Phật.

i. Vì khiến cho thấy thân, thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ (Hai văn này đều là văn kinh ở dưới).

j. Vì giúp cho chúng sinh mau chóng thành Phật. Nên nói như sau: Khi tâm tưởng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng v.v... như kinh

Di-đà chép: Người sinh về cõi nước kia đều được không lui sụt trên đường tiến đến quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ý Phật sâu xa, kẻ phàm tình không lường được. Lại dùng mười ý khái quát để chỉ bày con đường lớn. Đó là sự hưng khởi giáo pháp của một kinh, rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay.

II. Thuộc về giáo nào: có ba:

- Nói về hai cõi để lập giáo thuần tạp.
- Phân biệt Đại thừa và Tiểu thừa tiệt đốn.
- Phân biệt liễu nghĩa và bất liễu nghĩa.

1. Nói về hai cõi để lập giáo thuần tạp, có hai:

- Ta-bà nhập đạo giáo quán.
- Tịnh độ vãng sinh giáo quán.

a. Ta-bà nhập đạo giáo quán:

Cõi Ta-bà có năm thứ vẩn đục, các hoặc nghiệp nặng nhẹ. Căn tánh khác nhau ở chỗ căn cơ đã pha tạp nhiều thứ, giáo cũng không thu-ần. Vì thế có các khoa khác nhau giữa Đại thừa và Tiểu thừa, sự thông suốt Thiên giáo và Viên giáo cũng khác nhau. Các vị Tông sư của kinh luận xưa nay phán giáo có sự khác nhau, phế lập lẫn nhau, nói rộng như các văn khác ở đây không thể nói đủ.

b. Tịnh độ vãng sinh giáo quán:

Tịnh độ Cực lạc chỉ thuần nhất Đại thừa, chúng sinh là bạn lành thanh tịnh. Những người vãng sinh tuy chia thành chín phẩm nhưng ai cũng phát tâm đạo vô thượng. Khi sanh về cõi nước kia tinh tiến công phu đều được Diệu quả Bồ-đề không lui sụt. Vì thế Luận Vãng Sinh chép: Hạt giống Nhị thừa không được vãng sinh. Tuy có các hạng đệ tử Thanh văn nhưng trước đều phát tâm Đại thừa, tạm thời trải qua quyền thừa nhưng không an trụ Tiểu quả. Đó là biết hai cõi lập giáo thuần tạp khác nhau nên các kinh Tịnh độ không nhọc phân biệt.

2. Phân biệt Đại Tiểu tiệt đốn.

Trong Thiên Thai Sơ Phán Giáo Tương chỉ chép: Đó là Đại thừa Phương đẳng, thuộc về hai tạng, nói về ý nghĩa của tạng Bồ-tát, tiệt đốn đều ngộ nhập, và đó tức là đốn giáo. Viễn sơ cũng chép: kinh này là pháp luân đốn giáo. Bà Vi-đề-hy v.v... đều là phàm phu liền chứng được Vô sinh pháp nhẫn, không từ Tiểu thừa để đi vào. Vì thế biết là đốn giáo và nhất định biết giáo quán của một đời Đức Phật A-di-đà đều là pháp Viên Đốn Phật thừa, không còn có đường khác. Pháp sư Từ Vân chép: Bộ kinh Tiểu thừa bao gồm đủ hết các sách nhưng không hề có

một chữ nói về Tịnh độ, hướng chi là khuyên vãng sinh.

Lại, trong Tiểu thừa không nói Đức Phật khác, cũng không có một chữ nói có Đức Phật A-di-đà. Đó là Tịnh độ Đức Phật A-di-đà vừa qua nhĩ căn liền thành hạt giống Phật Đại thừa. Không nghe, không tin chẳng phải là lỗi lầm lớn sao?

3. Phân biệt liễu nghĩa và bất liễu nghĩa.

Pháp sư Từ Vân chép: Phật pháp gồm có hai:

- Pháp bất liễu nghĩa của Tiểu thừa.
- Pháp liễu nghĩa của Đại thừa.

Đại thừa lại có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Ở đây nói về Tịnh độ chỉ là pháp liễu nghĩa trong liễu nghĩa của Đại thừa.

Kinh chép: Tìm cầu trong mười phương không còn có thừa khác mà chỉ có một Phật thừa như nay ta nói. Nói liễu nghĩa, là hiểu rõ Tịnh độ kia tức tự tâm của ta mà chẳng phải ở phương khác. Thông suốt được Đức Phật A-di-đà kia là tự tánh của ta chứ chẳng phải Phật khác. Như thế thì tinh thần trở về ức cõi nước thật có vãng sinh ư? Trong tự tâm mình gá vào chín phẩm hoa sen, thì sao lại trốn trong bờ mé sát-na? Vì thế kinh chép: Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật, tức là mở bày chỉ ra tri kiến Phật cho chúng sinh. Đại thừa liễu nghĩa chẳng lẽ nằm ngoài điều này sao!

Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong Kinh Lăng-nghiêm chép: Nếu chúng sinh tâm niệm Phật nhớ Phật thì hiện tiền và trong đời vị lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa (tức là nói thành Phật không lâu). Còn như kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Như lai đích thân thọ ký vãng sinh (Phẩm Dược Vương chép: Người thọ trì kinh này thì được vãng sinh thế giới Cực lạc, v.v...).

Kinh Hoa Nghiêm đến chỗ bàn luận cùng cực nói ngài Phổ Hiền tự mình trình bày hồi hướng (mười đại nguyện của ngài Phổ Hiền tổng kết chép: Khi qua đời, trong một sát-na liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc v.v...) Tức là biết thân và cõi nước tịnh hoặc uế đều do tự tâm chúng sinh. Chỉ do tâm thể rộng lớn như thái hư, vì thế khiến vãng sinh không chướng ngại. Chỉ do tâm tánh bao trùm khắp liền khiến lấy bỏ không trở ngại. Nay kẻ học mọn mọn không hiểu rõ duy tâm mà chỉ cho rằng chút linh tánh này chính là Tịnh độ, tự mình nói tâm tịnh thì cõi nước Tịnh mà không cần cầu kẻ khác, Phật tức là tâm ta thì sao lại phải tìm ở bên ngoài, chỉ Đức Phật A-di-đà là vật bên ngoài, chê thế giới Cực lạc là cõi nước khác. Vì thế Pháp sư Từ Vân chép: Hoặc nói Tịnh độ ở tâm thì đâu cần phải tìm ở ngoài? Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, còn cần

phải cầu sinh Tịnh độ ở phương khác xa xôi hay sao! Giải thích rằng: Ý nghĩa của tâm cõi bất thiện cho rằng tâm ta hạn cuộc trong gang tấc cho nên thấy thế giới Tây phương xa ở ngoài cõi nước. Nếu hiểu khắp cả một niệm trong tâm thì một hạt cát bụi cũng khắp cả mười muôn ức cõi nước, cách gang tấc lại ở ngoài tâm hay sao? Người đời nếu nói lý không, thì đó là bài bác nhân quả. Nếu nói duy tâm thì đó là không tin có các pháp bên ngoài, đâu chỉ che bai pháp mà còn che bai tự tâm, làm hại chìm đắm muôn kiếp? Rất đáng đau khổ thay! Đối thành phải trái, chướng ngại Tịnh độ của người, thật là bạn ác, (ở trên đều là văn kia). Các bậc Hiền đức ngày xưa hết lời, hết lòng thương xót chúng sinh, nếu chú ý nghiên cứu rõ ràng, sẽ do đây mà siêu ngộ.

III. Nói về Tông chỉ: có ba

- Xác định tông chỉ của kinh.
- Nói về sự lý.
- Nói về phép quán khác nhau.

1. Xác định Tông chỉ của kinh.

Tông là nghĩa chính, nghĩa căn bản. Nghĩa chính của một bộ kinh cần phải phân biệt để chỉ bày. Đại sư Thiên Thai Trí Giả chép: Kinh này dùng quán tâm làm tông, đó là chỉ nói theo năng quán. Như thế, quán y báo và chánh báo của Phật chẳng phải quán tâm ư? Đại sư Tuệ Viễn, Đại sư Thiện Đạo đều chép: Tông thú mà các kinh nói đều khác nhau. Kinh này dùng tam-muội quán Phật làm Tông, đó là y cứ cả năng và sở để lập. Quán tuy có mười sáu môn y báo và chánh báo khác nhau nhưng chủ ý ở quán Phật, như kinh dưới đây chép: Ở trong phần quán thấy thân được tam-muội niệm Phật. Niệm tức là quán không chỉ nói chung cả các Đức Phật khác mà còn đầy khắp trong các kinh khác, nên biết phần phân biệt của đầu đề nay đã nói xong. Kinh quán Phật tam- muội chép: Đức Phật bảo Ngài A-nan: tam-muội Quán Phật là vị thuốc của tất cả chúng sinh phạm tội là sự che chở cho kẻ phá giới, là sự dẫn dắt cho người lạc đường, là mắt của người mù, là trí tuệ của kẻ ngu si, là ngọn đèn trong bóng tối, là vị tướng quân mạnh mẽ trong các giặc phiền não, là chỗ tự tại của các Đức Phật Thế tôn, là chỗ khởi thi của các đại tam-muội trong kinh Thủ lăng nghiêm... Lại chép: Nếu quán được một lỗ chân lông của Đức Phật thì người ấy gọi là hành niệm Phật định, vì nhờ niệm Phật nên được các Đức Phật trong mười phương thường ở trước người ấy, vì người ấy nói chánh pháp, người ấy liền có thể phát sinh hạt giống các Đức Như lai trong ba đời, huống chi là niệm

đầy đủ sắc thân Phật. Lại chép: Nếu bốn bộ đệ tử chê bai kinh Phương đẳng, gây ra năm tội nghịch, phạm bốn trọng cấm, trộm vật của Tăng-kỳ, làm dơ bản Tỳ-kheo-ni, phá tám giới quan trai, làm các việc ác, các thứ tà kiến. Nếu dốc lòng trong một ngày một đêm buộc niệm ở trước để quán một tướng hảo của Đức Phật thì các tội chướng xấu ác đều dứt trừ hết v.v... y theo đó mà biết công đức quán Phật khó có thể nghĩ bàn bởi sự gom nhiếp tâm luống dối để tương ứng với cảnh giới chân thật. Mượn phước đức và trí tuệ của Đức Phật kia để cứu giúp sự nghèo nàn của ta, nhờ lòng từ bi của Đức Phật kia để cứu vớt sự chìm đắm của ta. Đó là dứt bỏ những việc ác trước để làm cửa đầu tiên vào đạo. Vì thế kinh Lăng-nghiêm chép: Không nhờ phước tiện mà tự được tâm khai, như thân người dính mùi hương thì có hơi thơm. Đó gọi là hương quang trang nghiêm. Nêu sơ lược những điều quan trọng, còn bao nhiêu nói rộng ở sau.

2. Nói về sự và lý.

Lý là tên gượng gọi sự trống rỗng vắng lặng; sự là thi hành những đề mục chung của lý. Tuy có hai cách lập nhưng thể thật ra là như một, cũng giống như nước động thành sóng, mực viết thành chữ. Sóng tuy có muôn hình trạng nhưng đâu có gì khác với tính thấm ướt của nước? Chữ có ngàn sự khác nhau nhưng cùng với màu mực không hai. Nếu cho rằng tâm an trụ trong vắng lặng, năng và sở đều mất hết, thì thuộc về lý quán. Nếu tâm động để lo toan thủ xả rõ ràng như vậy, tức là Sự quán. Đó là lý và sự đang còn đối địch chưa phải là chỗ viên dung. Nay theo luận Thập Nghi của tông Thiên Thai chép: Người trí mạnh mẽ như vậy để cầu sinh Tịnh độ, hiểu rõ thể của sinh không thật có đó là chân thật vô sinh. Người ngu bị sinh trói buộc, nghe sinh thì hiểu sinh, nghe vô sinh thì hiểu vô sinh, mà không biết sinh tức là vô sinh, vô sinh tức là sinh. Không hiểu rõ lý ấy thì các tướng trái ngược đúng sai có rất nhiều sự sai lầm.

Đó là hiểu rõ sự tức là lý, lý chẳng phải ngoài sự, đó là chân thật vô sinh. Vì thế gọi là diệu quán. Lại theo hai thứ sám hối lý và sự của Đại sư Nam Sơn thì phải chia thành hai hạng căn cơ: Hạng lợi căn hiểu rõ lý thì tất cả đều chỉ do tâm, hạng độn căn chưa hiểu rõ thì chỉ y theo sự để tu hành. Quán lý của các kinh khác chỉ thích hợp cho những hạng thượng căn. Còn các phép quán của kinh này gom nhiếp khắp cả hạng lợi căn và độn căn. Người tu hành lợi căn thì tu lý quán. Còn người tu hành độn căn đều trở về sự để quán tưởng. Lợi căn và độn căn tuy khác nhau nhưng đều được vãng sinh. Chỉ khi sinh về cõi nước kia rồi thì giai

vị có sâu cạn, sự tiến đạo có chậm hoặc nhanh. Tuy nhiên, sự phân biệt giải thích xưa nay có khác nhau.

Có chỗ nói mười sáu diệu cảnh không có cảnh nào không quán lý.

Có chỗ nói y theo kinh từ đầu đến cuối đều là quán tưởng sự.

Có chỗ nói mười lăm phép quán trước sau đều là sự. Chỉ có phép quán Phật thứ chín là lý.

Ở đây nói phần thứ nhất để giải thích thì để lại phần giữa và phần dưới. Phần kế tiếp hiểu thì thường là những bậc thượng căn. Và sau cùng nói hai phần thì chẳng phải bàn luận chung.

Người hiểu rõ lý thì các pháp đều là lý, đâu thể có đây là phải mà kia là trái ư? Đã từng khảo xét văn kinh nhưng chỉ nêu ra cảnh sở quán mà không chia sự khác nhau giữa lý và sự thì lỗi với người năng quán. Căn cơ thì có lợi độn, thấy thì có sự thông suốt và bít lấp. Dùng sự phân lượng ấy thì đều có thể thú nhập được ư? Cao tăng Biện Tú Đồi Đường, nói với mọi người rằng: Ngày xưa, nghe tu hành Tây phương là chấp tướng Đại thừa. Đó là tâm rồi bù không ngay thẳng, chẳng phải thuyết đạt quán. Có điều nào hễ nói ra thì tức là tánh, khởi ý thì đều là như. Một sắc, một hương, chẳng gì không phải trung đạo, hướng chi là chánh niệm của ta ư! Chỗ nói ấy kỹ càng tở mỷ, hiểu sâu tông chỉ của kinh nhưng đều chưa gom nhiếp khắp phần giữa và phần dưới của kinh này.

Hỏi: Lý quán của kinh này tu tập như thế nào?

Đáp: Phương pháp tu tập gồm có hai:

Một là tâm năng quán, tức là dùng thức hiện tiền và tâm tưởng niệm làm thể. Ở dưới chép: Nên khởi tưởng niệm quán kỹ vào ban ngày là vậy.

Hai là cảnh sở quán, tức là dùng y báo và chánh báo trang nghiêm của Đức Phật A-di-đà làm thể, tức là ở dưới nêu ra mười sáu cảnh. Năng và sở thâm hợp nhau mới thành tựu được quán hạnh.

Hỏi: Khởi tâm để chọn lấy cảnh thì sao gọi là quán lý?

Đáp: Hiểu tâm và cảnh đều là nhân duyên sinh. Duyên sinh là thể của vô sinh mà chẳng phải sinh diệt, tức là lý vô sinh. Luận Thập Nghi chép: Bất sinh bất diệt là ở trong duyên sinh, các pháp hòa hợp mà không giữ tự tánh. Cầu ở thể của sinh thì hoàn toàn chẳng thật có. Sinh này khi sinh không có chỗ xưa nay, vì thế gọi là bất sinh, diệt này khi diệt không chỗ đến, vì thế gọi là bất diệt, mà chẳng phải nói ngoài nhân duyên sinh có bất sinh bất diệt riêng. Nay nói về quán lý, thứ nhất là theo văn luận: Dùng tâm duyên sinh để quán cảnh duyên sinh, tâm và cảnh tuy khác nhưng duyên sinh thì không khác. Năng quán là sở

quán của tâm, tức là Phật. Tâm, pháp và pháp Phật đều không thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm chép: Ba thứ tâm, Phật và chúng sinh đều không khác nhau, tức là nghĩa ấy. Vì thế các hành giả trước là mở rộng trí tuệ để hiểu biết thông suốt không còn nghi ngờ.

Sau đó, sáng tối mỗi niệm trôi buộc để quán tưởng cảnh giới tốt đẹp, y báo và chánh báo ở cõi kia mà mạnh mẽ cầu vãng sinh, tâm và cảnh không trở ngại, thể tự vô sinh mà chẳng phải sự tạo tác khiến cho như thế. Đó là biết chỗ sinh ra của tất cả các pháp xuất thế gian, nói nín đều là lý mẫu nhiệm. Chẳng phải chỉ có phép quán này mà các phép quán Đại thừa lập ra trong một đời cũng đều như vậy. Kinh Pháp Hoa chép: Quán tất cả các pháp đều không, như thật tướng, không điên đảo v.v... Lại chép: Tất cả các pháp đều không thật có, không có thường trụ, cũng không sinh diệt.

Kinh Phổ Hiền Quán chép: Nên biết tất cả các pháp tức là Phật pháp.

Kinh Tịnh Danh chép: Tất cả các pháp chính là tướng Bồ-đề.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Tất cả các pháp không sinh, tất cả các pháp không diệt. Lại chép: Hiểu biết tất cả pháp tự tánh không thật có, hiểu được pháp tánh như thế tức là thấy được báo thân Phật.

Kinh Kim Cương Bát-nhã chép: Tất cả các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, bóng v.v... các lời văn như vậy trong khắp cả Đại Tạng không thể nêu hết. Nếu xa lìa các pháp để nói lý mẫu nhiệm tức là rơi vào thiên kiến tà kiến, hoàn toàn cách xa đạo.

Kinh Tịnh Danh chép: Thí như việc xây dựng cung điện, nếu nương ở chỗ đất trống thì tùy ý vô ngại, còn nếu nương trên hư không thì không bao giờ thành tựu. Các Đức Phật nói pháp thường y theo hai đế, mượn tên bất hoại để nói thật tướng các pháp. Nếu Thánh giáo lượng là chánh lý thân nhiên thì muốn tiến tu cần phải nghiệm xét sâu xa.

3. Nói về phép quán khác nhau.

Các phép quán Đức Phật nói trong giáo pháp một đời lược chia làm năm ví dụ:

- Quán chung các pháp, như kình quán tất cả các pháp đều không v.v...

- Quán riêng tự tâm, như chỉ quán, hoàn nguyên quán, pháp giới quán, tịnh tâm quán v.v...

- Hoặc chỉ quán sắc. Kinh chép: Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, và quán xương trắng, quán bất tịnh, v.v...

- Quán cả sắc và tâm.

Kinh chép: Soi thấy năm uẩn đều không, mười hai nhập, mười tám giới, số tức v.v...

- Quán thắng cảnh, các kinh Quán Phật và Bồ-tát v.v... Nay kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật này tức là phép quán thứ năm theo quán thắng cảnh.

Lại có năm thứ khác nhau:

- Quán biển tướng của Phật, tức là quán ba mươi hai tướng của các Đức Phật.

- Quán hành pháp của Bồ-tát Phổ Hiền, tức là quán thân tướng của Bồ-tát ngồi trên voi trắng sáu ngà.

- Quán Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Dược Thượng, tức là quán hạnh nguyện và sắc tướng của hai vị Bồ-tát.

- Quán Bồ-tát Di-lặc, thượng sinh tức là quán cung trời Đâu-suất để cầu sinh nội viện.

- Tức là kinh này quán y báo và chánh báo của Đức Phật A-di-đà để sinh về Tịnh độ.

Ba phép quán trên là diệt nghiệp phá chướng. Còn hai phép quán dưới là vui mừng nguyện cầu vãng sinh.

Lại, trong hai phép quán dưới: Phép quán thứ tư là cõi trời của thế giới Ta-bà. Còn phép quán thứ năm tức là cõi thanh tịnh thế giới Cực lạc.

Ở cõi này vào đạo điều quan trọng là ở quán tâm, nghĩa là để vãng sinh Tịnh độ thì phải tưởng Phật. Ở đây nêu một thứ quán tâm ở cõi này để đối chiếu với kinh này, lược chia làm sáu phép quán khác nhau:

- Quán tâm là gom nhiếp tướng trở về tâm. Còn kinh này thì đưa tâm đến cảnh giới khác. (Kinh chép: Nhất tâm buộc niệm để quán kỹ Đức Phật kia. Sở của tông Thiên Thai chép: Phương pháp tưởng mặt trời lặn hình dạng như cái trống treo dùng làm móc để tiến đưa tướng).

- Quán tâm không hạn chế trong bốn oai nghi. Còn kinh này thì phải ngồi ngay thẳng. (nói chung cả các oai nghi khác).

- Quán tâm thì không câu chấp chỗ nơi. Còn kinh này thì nhất định phải hướng về phương Tây.

- Quán tâm thì không phân biệt thời gian, còn kinh này thì phải trừ giờ ăn và đại tiểu tiện (kinh Quán Phật chép: Trừ lúc đại tiểu tiện. Phép quán đất chép: Chỉ trừ giờ ăn v.v...)

- Quán tâm thì dứt hoặc để chứng lý. Còn kinh này thì thành tựu tịnh nghiệp để chiêu cảm được vãng sinh.

- Quán tâm thì nghiệp ma phát hiện. Còn kinh này thì Thánh đức

che chở.

Lược nói về sáu phép quán khác nhau thì biết quán môn của Tịnh độ là khác hẳn một trời một vực.

Hỏi: Mười sáu phép quán này có được gọi là quán tâm hay không?

Đáp: Nếu hiểu rõ cảnh do tâm thì thân và cõi Di-đà kia chẳng phải là tâm ư? Chỉ sợ cầu trở lại thân năm ấm này, nhận biết hạn hẹp điểm linh tánh này thì đều thuộc về các kinh khác, chẳng phải chánh quán này.

Hỏi: Có người nói pháp Phật rất cao, pháp chúng sinh rất rộng, chỉ có quán tâm là quan trọng. Còn kinh này thì quán Phật chẳng lẽ không trái nhau ư?

Đáp: Phép quán bao trùm các căn cơ và đều có chủ ý. Nếu ở cõi này vào đạo để dứt hoặc chứng chân thì quán tâm là hết sức quan trọng. Còn nếu tu nhân để cảm được quả báo vãng sinh Tịnh độ thì quán Phật là tốt nhất. Kia nói dứt hoặc chứng chân là chính thì chọn lấy quán tâm nên có lời nói ấy, chẳng phải nói pháp vãng sinh cõi Phật và pháp trên là hai pháp chẳng bao giờ quán thông. tam-muội Quán Phật bao trùm cả nghĩa vị lai mà chẳng phải đặt ra một cách vô ích.

Hỏi: Tâm và Phật không khác nhau là nghĩa rất ráo thượng thừa. Nay nói phép quán thì cần gì gắng gượng phân chia?

Đáp: Lý tuy là viên dung nhưng tướng tu hành thì đương nhiên phân biệt để sự tu hành có chỗ nương tựa, vậy cảnh và trí phải tương ứng. Người xưa có nói quán Phật gồm có hai:

Một là, chỗ thấy Phật của tam-muội tự tâm.

Hai là, từ nhân phương Tây để cảm được quả Phật. Quán tâm của các kinh tức là quán chỗ thấy Phật của tự tâm. Mười sáu phép quán này là chánh quán Tây phương để cảm được quả Phật. Y theo hai phân chia này để không còn sự nghi ngờ viển vông. Vì thế Luận Thập Nghi của tông Thiên Thai chép: Hễ người cầu vãng sinh thì tâm mong mỗi khởi tưởng duyên theo tướng tốt sáng chói của Đức Phật A-di-đà. Lại quán bảy chất báu trang nghiêm của cõi nước kia đầy đủ như mười sáu phép quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ v.v... kinh này quán Phật là bằng chứng rõ ràng.

Hỏi rằng kinh chép: Nếu dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh để- cầu ta thì người ấy tu hành tà đạo không thể thấy đức Như lai. Ở đây quán cảnh giới Phật thì chẳng phải dùng sắc để thấy, dùng âm thanh để cầu hay sao?

Đáp rằng: Ba mươi hai tướng cũng giống như mặt trăng sáng in bóng trên trấm sông. Bốn thứ biện tài, tám thứ âm thanh nếu thanh tịnh thì tiếng dội phát ra ở hang sâu. Nhưng có người mò nước vớt trăng, vào hang tìm tiếng mà chẳng hiểu tánh không. Vì cho nên không thấy Phật, bậc thông đạt thì không như vậy. Hiểu rõ sắc chẳng phải sắc thì ngại gì việc quán tưởng sự đứng đắn đối với hình dung của bậc Thánh? Hiểu rõ âm thanh chẳng phải âm thanh thì đâu ngại gì nghe thiên về pháp mầu? Vì thế Kinh Hoa Nghiêm chép: Sắc tướng không phải Phật, âm thanh cũng giống như vậy. Cũng không lìa bỏ sắc và âm thanh để thấy năng lực thần thông của Phật. Quán sự bàn luận mầu nhiệm ấy thì đâu có gì nghi ngờ?

IV. Phân biệt sự giống nhau, khác nhau: có hai:

- Phân biệt thân và cõi nước chung riêng.
- Nói về sự phước lập xưa nay.

1. Phân biệt thân và cõi nước chung và riêng, có hai (phần):

Thứ nhất: Nói về thân Phật.

Thứ hai: Nói về cõi nước Phật.

a. Nói về thân Phật.

Thân Phật có nhiều thứ, tùy sự nêu ra trong các kinh luận tùy nghi không nhất định. Ở đây theo giới sở của tông Thiên Thai thì nói có bốn thân:

1. Pháp thân.
2. Chân thân và ứng thân.
3. Pháp thân, báo thân và ứng thân.
4. Pháp thân, báo thân, ứng thân và hóa thân.

Trong giới sở ấy chép: Tỳ-lô-giá-na chiếu khắp chánh pháp Lô-xá-na, là thân đức hạnh viên mãn là thân quả báo. Phật Thích-ca là thân Ứng tích cảm phó. Tùy duyên không nhất định là thân Biến hóa. Tất cả các Đức Phật đều có đủ bốn thân. Ở đây thân Đức Phật A-di-đà như kinh chép: Các Đức Phật Như lai là thân pháp giới, tức là pháp thân và báo thân. Cao sáu mươi muôn ức na-do-tha tức là ứng thân của Tịnh độ. Hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, hoặc hiện thân nhỏ cao một trượng sáu tám thước và trong ánh sáng tròn có các vị hóa Phật nhiều như số cát sông Hằng. Lại nói: Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa thân vô số cho đến chim hạc trắng, chim công, cừu, nhạn, uyên ương v.v.... đều là do Đức Phật A-di-đà tạo tác biến hóa và những thứ này đều là hóa thân. Tuy nhiên ứng thân và hóa thân ấy gộp lại thì thành ba thân và

mở rộng ra thì thành bốn thân. Nên biết thân quả đức của Phật A-di-đà ở Tây phương tức là pháp thân, tức là báo thân, tức là ứng thân và hóa thân. Thân Phật là một thể, chẳng phải một, chẳng phải khác, tùy theo sự chiêu cảm mà đều được. Nếu theo dấu vết để lại thì từ một thân thành vô số thân. Còn như khi gom nhiếp về gốc thì vô số thân trở về một thân. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân của tất cả các Đức Phật là một pháp thân, chính là nghĩa ấy.

Sớ của ngài Tuệ Viễn chép: Tuy nhiên, tuổi thọ của Đức Phật có chân thân, có ứng thân. Chân thân thì không cùng tận, còn ứng thân thì có dài ngắn.

Kinh Quán Âm Thọ Ký chép: Tuổi thọ của Đức Phật A-di-đà tuy dài lâu vô hạn nhưng sẽ có lúc chấm dứt, sau khi Ngài nhập Niết-bàn, Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ Bồ xứ hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương. Theo đây thì nhất định biết đó là ứng thân. Luận Thập Nghi chép: Có đủ các hạng phàm phu tùy phần mà được thấy tướng thô của thân Đức Phật, gọi là ứng thân Phật. Còn các vị Bồ-tát thì thấy được tướng nhỏ nhiệm gọi là báo thân Phật. Vì cho nên biết báo thân và ứng thân là tùy theo căn cơ mà thân Phật được xác định như thế.

Như mặt trăng ở dưới nước, tùy theo đồ đựng mà khác nhau, đồ đựng lớn thì mặt trăng lớn, còn đồ đựng nhỏ thì mặt trăng nhỏ. Lớn hay nhỏ là tùy đồ đựng còn mặt trăng thì không co lại hoặc dài ra. Nước trong thì bóng còn, nước đục thì bóng mất. Còn hay mất là ở nước mà ảnh thì không đến đi, đó là dùng để thí dụ về tuổi thọ thân của Đức Phật mà chẳng có gì không thông hiểu. Vì thế kinh Niết-bàn chép: Đức Phật bảo Trưởng giả Thuần-đà. Nay ông không nên suy xét chỉ có tuổi thọ dài hoặc tuổi thọ ngắn của các Đức Phật. Tất cả các pháp đều là tướng huyễn, Đức Như lai ở trong đó dùng năng lực phương tiện không hề đắm nhiễm... Lại, kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp thân của Đức Như lai ẩn chứa khắp trong thế gian. Tuy là ở thế gian nhưng đối với thế gian không bị đắm nhiễm. Thí như nước trong thì hình bóng không đến đi và pháp thân trùm khắp thế gian nên biết cũng giống như vậy. Lại chép: Thí như nhà ảo thuật hiện ra các việc thì những việc ấy không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Tính huyễn chẳng phải hữu lượng cũng chẳng phải vô lượng, mà trong đại chúng kia hiện ra lượng và vô lượng. Dùng sự định tâm yên lặng ấy để tu tập các gốc lành sinh ra tất cả các Đức Phật chẳng phải lượng, chẳng phải vô lượng. Hữu lượng và vô lượng tất cả đều là tướng lống dối. Hiểu biết thông suốt đến tất cả các cõi, không chấp chặt hữu lượng hoặc vô lượng thì chắc chắn biết thể

lượng của thân Phật không thật có, mà còn là chỗ nghĩ bàn không với tới được, thì đâu còn chứa đựng sự dự tính ở trong đó ư?

b. Nói về cõi nước Phật, lại có hai:

- Chính là nói.
- Sự lựa chọn quá nhiều.

1. Chính là nói.

Cõi nước của các Đức Phật số ấy vô lượng như kinh Hoa Nghiêm chép: Không thể nói, không thể nói các cõi nước của các Đức Phật số thế giới nhiều như cát bụi. Lại như kinh Pháp Hoa chép: Thí như mài Tam thiên đại thiên thế giới thành mực rồi vượt qua một ngàn cõi nước ở phương Đông thì chấm một chấm, cứ lần lượt như thế cho đến khi nhỏ hết mực ở các cõi nước... Lại như kinh A-di-đà chép: Trong mười phương đều có các cõi nước của các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng. Như biết cõi nước của các Đức Phật làm sao có sự cùng tận? Tóm lại không ngoài hai thứ:

• *Một là cõi pháp tánh:* Kinh Viên giác chép: chúng sinh và cõi Phật đồng một pháp tánh. Kinh Phổ Hiền Quán chép: Thân Phật Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả, chỗ ở của Đức Phật ấy gọi là cõi Thường Tịch Quang. Pháp tánh thường trụ, nơi qua lại giáo hóa, chỗ ở của các Đức Phật Như lai gượng gọi là cõi nước mà thật chẳng phải cõi nước. Đó gọi là Tịnh độ do tâm, đều có đủ các đạo tràng, chẳng phải tịnh, chẳng phải uế mà không trở ngại tịnh uế, không đến không đi mà không trở ngại việc đến đi. Đại sư Từ Vân chép: Các cõi tịnh uế trong mười phương thu nhỏ lại, cùng trong một sát-na, qua lại trong ba cõi mà dấu chân chưa hề dời trong một niệm, chúng sinh mê nhưng không mất, tuy là dùng hằng ngày nhưng không biết, các Đức Phật chứng mà không đắc. Vì cho nên do quyền để khởi dụng, đó là chỗ chỉ dành cho hạng người chứng quả Diệu Giác. Kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Chỉ có mình Đức Phật là ở Tịnh độ, tức ở cõi nước này.

• *Hai là cõi ứng hóa:* Các cõi nước của các Đức Phật số như cát bụi, hoặc tịnh hoặc uế, đều là chỗ tùy duyên ứng hiện của các Đức Phật để che chở dắt dẫn chúng sinh. Ứng hiện để nhiếp hóa các vị Bồ-tát thì có cõi Thật báo. Kinh Nhân Vương chép: Ba Hiền, Mười Thánh đều an trụ trong quả báo. Ứng hiện để che chở giáo hóa các người Nhị thừa thì có cõi Phương tiện. Luận Đại Trí Độ chép: Ở ngoài ba cõi có Tịnh Độ. Các vị Thanh văn và Bích chi Phật sinh ra ở trong đó, thọ thân pháp tánh mà chẳng phải thân phần đoạn sinh. Ứng hiện để che chở giáo hóa các hạng phàm thánh thì có cõi Đồng cư. Cõi Đồng Cư có hai:

- Thứ nhất, Đồng Cư cõi uest.
- Thứ hai, Cõi tịnh Đồng Cư.

Đức Phật Thích-ca thị hiện ở cõi uest nhưng chẳng phải là không có Tịnh độ. Còn Đức Phật A-di-đà thị hiện ở cõi Tịnh nhưng chẳng phải là không có cõi uest. Tuy nhiên các Thánh ở cõi uest Đồng cư thì có Đại thừa, Tiểu thừa, ba thừa gồm chung cả sáu đường thiện ác. còn các Thánh ở cõi Tịnh Đồng cư thì thuần nhất Đại thừa và chỉ gồm có hai cõi quả báo trời, người, rõ ràng các cõi đều ứng theo cơ duyên, cõi pháp tánh là Sở y và cõi ứng hóa là năng y. Kinh Thủ lăng nghiêm chép: Hư không sinh trong Đại giác như một hòn bọt sinh ra trên mặt biển. Cõi nước hữu lậu số như cát bụi đều nươg hư không sinh ra, đại giác tức là cõi pháp tánh, vi trần cõi nước tức cõi ứng hóa, ứng hóa nươg hư không, hư không nươg vào cõi pháp tánh. Suy xét gốc ngọn năng sở thì có thể thấy điều kinh này nói tức là chỗ chọn lấy cõi Tịnh đồng cư của Đức Phật A-di-đà.

Lại, các thế giới Tây phương có các cõi Tịnh nhiều như số cát sông Hằng, còn quả Phật thì có Đức Phật A-di-đà ở cõi Đồng cư. Ở đây phải xác định để chỉ ngày xưa Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện tu hành thành tựu quả Phật. A-di-đà ở cõi Tịnh Cực lạc và cõi nước hiện ra trong đài ánh sáng của Phật chính là ở cõi này.

2. Sự lựa chọn quá nhiều.

Những chỗ nói về Tịnh độ trong các kinh có các tướng danh tự quá nhiều, vì thế phải phân biệt để chỉ bày. Lại như nói tâm tịnh, cõi nước tịnh, tuy dẫn ra nhưng không biết xuất xứ của nó. Câu nói ấy vốn nêu ra từ kinh Duy-ma-cật. Kinh này nói các vị Bồ-tát chọn lấy pháp môn Tịnh độ, vì Tịnh độ của các Đức Phật cần phải có chúng sinh đồng nghiệp trong mười phương để cùng thành tựu.

Vì cho nên trải qua nhiều kiếp giáo hóa kẻ khác khiến tu hành các nghiệp lành và thực hành các tịnh nghiệp kia để thành tựu cõi nước ấy. Vì thế kinh ấy chép: Các vị Bồ-tát tùy chỗ giáo hóa chúng sinh để chọn lấy cõi nước Phật. Nên biết tâm ngay thẳng là Tịnh độ của Bồ-tát, và khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh không còn dua nịnh tà vạy sinh về cõi nước ấy. Cho đến mười nghiệp lành là cõi Tịnh của Bồ-tát và khi Bồ-tát thành Phật thì chúng sinh tu hành mười nghiệp lành đến sinh về cõi nước ấy. Cho nên chép: Nếu Bồ-tát muốn được cõi Tịnh thì phải thanh tịnh tâm ấy.

Hễ tâm ấy thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Lời văn kia rất rộng không thể dẫn hết được. Kinh Kim Quang minh chép: Con nguyện đời

sau được Tịnh độ công đức cao quý kỳ lạ ấy như Đức Phật Thế tôn.

Kinh Pháp Hoa chép: Dạy ngàn ức chúng khiến an trụ pháp Đại thừa để tự mình thanh tịnh cõi Phật.

Lại chép: Ít muốn và nhàm chán sinh tử là thật tự mình thanh tịnh cõi nước Phật. Kinh Tịnh Danh chép: Thường tu Tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh thì những vị ấy đều là các Bồ-tát chọn lấy pháp môn Tịnh độ.

Lại, Phạm Vương Loa Kế nói với ngài Xá-lợi-phất trong kinh Tịnh Danh: Tôi thấy cõi nước Phật Thích-ca thanh tịnh như cung trời Tự Tại, Đức Phật ấn ngón chân xuống đất thì cả Thế giới Đại Thiên có trăm ngàn thứ trân báu trang nghiêm như cõi Tịnh của Đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Cho đến chép: Cõi nước của Đức Phật thường thanh tịnh như thế. Lại, kinh Niết-bàn chép: Khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn thì rừng cây Ta-la liền biến thành cõi Tịnh, kinh chép: Lúc bấy giờ, thế giới Đại thiên nhờ thần lực Phật nên đất mềm mại, các thứ báu trang nghiêm giống như thế giới Cực lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương.

Lại như cõi Tịnh Cực lạc hiện ra trong đài ánh sáng của kinh này và trong phần tổng kết lợi ích thì đại chúng thấy được cõi nước kia. Các cõi Tịnh đó đều là do thần lực của Đức Như lai hiện khởi, đó gọi là ở đầu một sợi lông hiện ra các cõi Bảo vương. Kinh Nhân vương Bát-nhã chép: Chỉ có mình Đức Phật ở cõi Tịnh. Kinh Viên Giác chép: chúng sinh và cõi nước đồng một pháp tánh, địa ngục và các cõi trời đều là cõi Tịnh. Đó đều là pháp tánh lý độ, các gọi là cõi Thường Tịch Quang. Kinh Pháp Hoa chép: chúng sinh thấy kiếp tận khi bị lửa dữ thiêu đốt nhưng cõi Tịnh của ta không bị hủy hoại, đó tức là cõi nước quả báo của Đức Phật Thích-ca. Ở trên là phần dẫn chứng những chỗ nói về cõi Tịnh của các kinh mà đều chẳng phải là cõi Tịnh Cực lạc của kinh này. Trong các kinh luận những loại ấy rất nhiều và theo sự phân biệt ở trước thì không quá nhiều.

2. Nói về sự phế lập xưa nay, chia làm năm:

- Thứ nhất: Nói về quán phước.
- Thứ hai: Nói về định thiện và tán thiện.
- Thứ ba: Chỉ bày địa vị.
- Thứ tư: Giải thích ma nói.
- Thứ năm: Chỉ sự lạm truyền.

a. Nói về quán phước.

Ở dưới, bà Vi-đề-hy thưa rằng: Cúi xin Đức Thế tôn chỉ dạy cho

con phép tư duy, chỉ dạy cho con phép chánh thọ. Số xưa thì dùng ba thứ phước để trả lời tư duy và mười sáu phép quán để trả lời phép chánh thọ. Nhưng theo Huyền nghĩa của Đại sư Thiện Đạo chép: Các Đại sư đem phép tư duy hợp với ba thứ phước và phép chánh thọ hợp với mười sáu phép quán, nhưng ở đây nói không đúng. Theo kinh Hoa Nghiêm thì phép tư duy và phép chánh thọ chỉ là tên khác của pháp tam-muội. Bà Vi-đề-hy thưa hỏi ở trước chỉ chép: Chỉ dạy cho con phép quán ở cõi nghiệp thanh tịnh tức là biết phép tư duy và phép chánh thọ, chỉ là sự thưa hỏi về phép quán. Vì quán phương tiện trước nên gọi là tư duy, và vì chánh quán thành tựu nên gọi là chánh thọ. Nhưng vì người tu quán phải tu phước nghiệp để giúp thành tựu quán trí nên trước tiên nói về ba thứ phước, và sau đó mới nêu ra quán hạnh. Ba thứ phước như của báu, còn quán trí như cột buồm của thuyền. Đó là sự và lý giúp nhau, phước và trí đều vận dụng cả hai, thì làm sao có tu quán mà ngồi sừng sững không kính thờ thầy tổ, cha mẹ, không thọ trì ba quy y, năm giới cấm, không đọc tụng kinh sách Đại thừa ư?

Vì thế cần phải có các nghiệp lành để giúp thành tựu Chánh quán. Như bánh xe đơn, cánh chiếc thì làm sao có chỗ đến ư? Còn phần văn giải thích ở sau lại là phân phân biệt xác thực.

b. Phân biệt định thiện và tán thiện.

Huyền nghĩa của Đại sư Thiện Đạo chép: Mười ba phép quán trước thuộc về định thiện, còn chín phẩm ba thứ phước ở sau là tán thiện. Nhưng ở đây nói không đúng, nếu theo chỗ phân biệt tức là ứng theo chỉ có mười ba phép quán thì sao gọi là mười sáu phép quán ư? Huống chi trong phần tổng kết thượng phẩm của chín phẩm ở dưới nói. Đó là phép quán tưởng vãng sinh bậc thượng, gọi là phép quán thứ mười bốn. Trung phẩm và hạ phẩm cũng như vậy thì sao ba phép quán ở sau chỉ gọi là tán thiện? Chỉ sử dụng lời câu này thì không cần công kích cũng tự phá vỡ việc y theo pháp không y theo người mà kinh Niết-bàn hết sức khuyến răn. Vì thế đến chín phẩm ở sau càng phải phân biệt.

c. Nói về địa vị.

Theo Huyền Nghĩa chép: Từ xưa đến nay các Đại sư đều dùng Ba hiền và mười Thánh của Đại thừa đối lập với ba phẩm trên, Tiểu thừa, nhị phàm và bốn Quả thì đối lập với ba phẩm giữa, còn các phàm phu mới tu học Đại thừa tùy theo lỗi nặng nhẹ mà đối lập với ba phẩm dưới. Văn kia bề bộn không thể dẫn đầy đủ ra đây. Ở đây nói theo chín phẩm dưới sinh về cõi nước kia rồi mới luận về địa vị như của các Đại sư. Lại theo văn kinh thì câu vãng sinh về cõi nước này đều là các hạng phàm

phu. Và phải y theo huyền nghĩa mười đoạn văn kinh kia làm chứng cứ và có thể nghiệm xét xưa là trái.

Kinh chép: “Nay ta nói rộng các thí dụ cho người nghe, cũng giúp cho tất cả các hạng phàm phu, ở đời vị lai muốn tu tịnh nghiệp đều được sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương” là chứng cứ thứ nhất.

Lại chép: Hôm nay, Đức Như lai vì tất cả chúng sinh ở đời vị lai bị các giấc phiền não bức hại để nói ra nghiệp thanh tịnh là chứng cứ thứ hai.

Lại chép: Hôm nay, Đức Như lai chỉ dạy cho bà Vi-đề-hy và tất cả chúng sinh ở đời vị lai quán tưởng thế giới Cực lạc ở Tây phương là chứng cứ thứ ba.

Lại chép: Bà Vi-đề-hy thưa hỏi Đức Phật rằng: Hôm nay con nhờ năng lực Phật nên được thấy cõi nước kia. Nếu sau khi Phật nhập diệt, những chúng sinh vẫn đực bất thiện bị năm thứ khổ ép ngặt thì làm thế nào để thấy được cõi nước của Đức Phật kia là chứng cứ thứ tư.

Lại chép: Người và chúng sinh nên chuyên tâm v.v... cho đến tự mình chẳng phải sinh ra đã bị mù, những người có mắt sáng đều thấy mặt trời lặn, là chứng cứ thứ.

Lại chép: Đức Phật bảo ngài A-nan: Ông nên ghi nhớ và vâng giữ lời Ta dạy, nói phép quán đất này cho tất cả đại chúng ở đời vị lai muốn thoát khổ là chứng cứ thứ sáu.

Lại chép: Bà Vi-đề-hy bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nay con nhờ năng lực Phật nên được thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát, còn các chúng sinh ở đời vị lai làm thế nào để quán thấy là chứng cứ thứ bảy.

Lại chép: Đức Phật bảo Bà Vi-đề-hy: Người và chúng sinh muốn quán tưởng Đức Phật kia thì nên khởi tưởng niệm v.v... là chứng cứ thứ tám.

Lại chép: Các Đức Phật Như lai là thân pháp giới vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Vì cho nên khi tâm các người tưởng Phật là chứng cứ thứ chín.

Lại như trong chín phẩm, mỗi phẩm đều chép: Nếu có chúng sinh... là chứng cứ thứ mười.

Mười đoạn văn trên để chứng minh Đức Như lai nói mười sáu phép quán cho các chúng sinh thường bị chìm đắm mà không nói đối với những bậc Hiền thánh của Đại thừa và Tiểu thừa. (Ở trên đều là văn trong Huyền Nghĩa). Mười văn ấy rõ ràng. Văn thứ nhất, thứ hai, thứ tư, thứ năm, các văn ấy rất cần thiết và quan trọng. Đó là biết kinh điển

này chỉ bao gồm những hạng phàm phu còn bị sự trói buộc trong cõi đời vẫn đục và khi đến cõi kia mới luận về sự dứt hoặc chứng trí.

d. Giải thích ma nói.

Có chỗ nói người tu tịnh nghiệp Tây phương, khi sắp qua đời chiêu cảm thấy các tướng đều là ma. Đó là chưa lật ra giáo điển, không muốn tu trì, thích dùng lời tà che lấp lòng tin chân chánh của người khác. Vì sự gây hại không ít nên phải phân biệt, lại, ma có bốn thứ:

Thứ nhất, Ma năm ấm.

Thứ hai, Ma phiền não.

Thứ ba, Ma chết.

Thứ tư, Ma trời.

Ba thứ ma ở trên là thân tâm của người và chỉ có ma trời là ở các tầng trời cõi Dục. Đó là đại quyền đẩy lùi việc ác, khuyến tiến việc lành, có công phu tu hành lớn mới có thể chủ động. Còn những kẻ phàm phu tu đạo trong tâm bất chánh thì chắc chắn bị ma quấy nhiễu, nếu tâm chân thật thì ma không làm gì được. Như thế, biết ma là tự các người chứ chẳng phải từ chỗ khác đến. Như những loại yêu quái lâu đời đến đua nịnh mê hoặc đối với mọi người, nhưng nếu tâm ngay thẳng, sắc chánh trực, thì chắc chắn chúng không thể đến gần. Và nếu buông thả tình cảm ngoảnh lại nhìn thì chắc chắn bị chúng mê hoặc. Ở đây dẫn chứng các thuyết để dứt hết sự nghi ngờ.

Có chỗ nói: Trong ánh sáng rực rỡ chắc chắn không có việc ma, như ban ngày kẻ gian, kẻ trộm khó hành sự.

Có chỗ nói: Ở cõi nước này quán tâm, trái lại quán bốn ấm, nên thường phát sinh các việc ma, ở đây quán cảnh giới chân thật quả đức của Đức Phật A-di-đà, vì thế không có việc ma.

Có chỗ nói: Người niệm Phật đều được tất cả các Đức Phật che chở đã được tất cả các Đức Phật che chở thì sao có ma được?

Có chỗ nói: Người tu tịnh nghiệp thì phát sinh việc ma, ấy là Đức Phật nói chỉ để phá trừ như kinh Bát-nhã, kinh Lăng-nghiêm... nếu Đức Phật không chỉ dạy thì chúng sinh sẽ bị mê lầm, đọa vào lưới ma. Nay các kinh Tịnh độ đều không nói ma, tức là biết pháp môn này rõ ràng không có ma.

Pháp sư Sơn Âm, Khánh Văn phân biệt lòng tin chân chánh đối với pháp môn rất rõ ràng và nay dùng để dẫn chứng đây đủ.

Có người hỏi rằng: Có người nói khi qua đời thấy Đức Phật và các vị Bồ-tát phát ra ánh sáng, bưng đài, nhạc trời, mùi hương khác lạ đến đón rước vãng sinh đều là việc ma thì lời nói ấy như thế nào?

Đáp rằng: Có những người y theo kinh Thủ lãng nghiêm để tu tập pháp tam-muội thì có lúc bị ma năm ấm phá rối. Có những người y theo luận Ma-ha-diễn để tu tập phép tam-muội thì có lúc bị ma bên ngoài phá rối (chính là ma trời). Có những người y theo luận chỉ quán để tu tập phép tam-muội thì có lúc bị các loài yêu quái phá rối. Những hạng người này đều là những hạng người tu tập thiền định dựa vào tự lực và trước tiên có hạt giống ma thì chắc chắn bị kích động, cho nên mới hiện ra những việc ấy. Nếu có thể biết rõ là thức dùng phương pháp để đối trị thì liền dứt bỏ được, và nếu dùng Thánh để hiểu thì đều bị ma chướng (Ở trên nói những người này mới vào đạo thì sẽ phát sinh việc ma). Ở đây theo chỗ tu tập phép tam-muội niệm Phật là nương nhờ năng lực Phật, như gần vị đế vương thì không ai dám can phạm. Bởi Đức Phật A-di-đà có năng lực từ bi lớn, năng lực thệ nguyện lớn, năng lực trí tuệ lớn, năng lực tam-muội lớn, năng lực oai thần lớn, năng lực diệt tà lớn, năng lực hàng ma lớn, năng lực thiên nhãn thấy xa, năng lực Thiên nhĩ nghe xa, năng lực tha tâm soi xét thông suốt, năng lực ánh sáng chiếu khắp để che chở chúng sinh. Có những năng lực công đức không thể suy nghĩ bàn luận như thế, thì sao lại không thể che chở những người niệm Phật đến khi qua đời khiến cho không có sự chướng ngại ư? Nếu không được sự che chở ấy thì năng lực từ bi ở đâu? Nếu không thể dứt trừ được ma chướng ấy thì năng lực trí tuệ, năng lực tam-muội, năng lực oai thần, năng lực diệt tà, năng lực trừ ma nằm ở đâu?

Nếu không thể soi xét kỹ để bị ma chướng ấy thì năng lực thiên nhãn thấy xa, năng lực thiên nhĩ nghe xa, năng lực tha tâm soi xét thấy suốt nằm ở đâu? Kinh chép: Tướng tốt sáng chói của Đức Phật A-di-đà chiếu khắp các chúng sinh niệm Phật trong các thế giới ở mười phương, che chở không xả bỏ. Nếu nói người niệm Phật khi qua đời bị các ma chướng ấy thì năng lực ánh sáng chiếu khắp, che chở chúng sinh nằm ở đâu? Huống chi người niệm Phật khi qua đời cảm được các tướng được nêu ra từ các kinh đều là những lời nói của Phật thì sao chê là ma chướng cho được? Đây là quyết định phá bỏ những sự nghi ngờ tà ma để sinh tâm chân chánh (Ở trên là theo văn kia).

Lại, kinh Lăng-nghiêm chép: Trong khi tâm thiền định thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na ngồi trên đài Thiên quang, có mười Đức Phật vây quanh v.v... Đó gọi là tâm hồn bị sự tổ ngộ linh hoạt làm tiêm nhiễm. Tâm trí sáng suốt nghiên cứu rõ ràng để chiếu soi các thế giới. Tạm thời được như thế chẳng phải chứng Thánh. Sớ chép: Nếu người tu phép tam-muội niệm Phật, cảnh ấy hiện tiền, hợp với Tu-đa-la gọi là Chánh

tướng. Còn nếu tu các phép quán khác, dù cho thấy hình tượng Phật cũng không gọi là chánh vì tâm và cảnh không tương ứng, hướng chỉ quán chân như không giữ các tướng nhưng có chỗ chấp chặt thì sao chẳng phải ma ư?

Trong đây phải phân biệt hết sức nhỏ nhiệm, lại dẫn chứng đầy đủ các chỗ nói ở trước để dứt bỏ hẳn những sự nghi ngờ che lấp.

e. Chỉ ra sự lạm truyền.

Giáo pháp Tịnh độ bắt đầu từ xưa đến nay, từ khi có Bạch liên xã ở núi Lư, đời Tiến. Từ đó về sau Đại sư Thiện Đạo, Đại sư Hoài Cảm, Đại sư Tuệ Nhật, Đại sư Thiếu Khang, các bậc Hiền đức danh tiếng và đến ngày nay, các vị tông sư giảng nói về thiền ở các triều đại trước cũng truyền xướng rộng nhiều. Nhưng chỉ có Pháp sư Từ Vân người Thiên-trúc là tinh thông cùng cực giáo lý, chấn hưng phần thịnh một thời, đã viết ra nghi thức sám Di-đà lớn nhỏ, kệ vãng sinh để truyền bá lòng tin chân chánh, thơ tam-muội niệm Phật và các bức tranh thấy được lưu hành ở đời. Từ đó về sau ít người có khả năng thừa kế, thời sự biến đổi, việc truyền thừa sai lầm bừa bãi và pháp môn ấy hầu như đi đến chỗ chấm dứt. Mặc dù đã từng nghe sự tu tập nói phỏng rất nhiều, nhưng nếu không phân biệt rõ ràng thì sợ làm mê hoặc những người tu học đời sau. Vì thế dẫn chứng sơ lược vài việc để bậc thức giả hiểu rõ. Các sách vở Nho giáo phương này cũng nói về Tây phương, như các sách ghi chép khác ở đời nhà Chu chép: Khi Đức Phật sinh, có khí lành nổi giữa hư không và viên Thái sử Tô Do tâu rằng: Có một vị Đại thánh sinh ở Tây phương và một ngàn năm sau âm thanh giáo pháp sẽ bao trùm đến đây. Sau khi Đức Phật nhập diệt có cầu vòng trắng mười hai đường thông suốt từ Nam tới Bắc và viên Thái sử Hồ-đa tâu rằng: Ở Tây phương có điềm của một vị Đại thánh nhập diệt. Lại, sách Liệt Tử chép: Ngày xưa đời nhà Thương, viên Thái tể hỏi Khổng Tử: Ai là bậc Thánh? Khổng Tử đáp rằng: Tây phương có bậc Thánh không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không giáo hóa mà tự hành... Trong văn Khổng Tử chép: Phật pháp là tôn giáo ở phương Tây. Trung quốc câu nệ, cho đến đời sau các nhà Nho phần nhiều cho Phật giáo là Tây phương, đó là do nước Thiên-trúc nằm về phía Tây, chứ chẳng phải Tây phương mà kinh này nói.

Thử hỏi sơ lược, một mặt trời một mặt trăng, một núi Tu-di, một tứ thiên hạ gọi là một thế giới, một ngàn thế giới gọi là một Tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên gọi là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một Đại thiên thế giới. Đó là phạm vi giáo

hóa của Phật Thích-ca. Nay cõi Diêm-phù-đề này là một châu trong một thế giới. Thân châu của cõi này lại là một góc trong một châu. Năm nước Thiên-trúc đang ở giữa cõi Diêm-phù-đề, Thân châu ở phía Đông nam của cõi nước kia. Và từ cõi nước này trông về cõi nước kia nên gọi là Tây phương.

Còn nếu nói về cõi Tịnh của Đức Phật A-di-đà thì vượt ngoài một thế giới Đại thiên, lại vượt qua mười muôn ức cõi nước. Người trí chép: cõi Tịnh Tây phương vượt ra ba cõi, tức là biết cách xa nước Thiên-trúc của cõi Diêm-phù-đề này như trời vực thì làm sao có thể bừa bãi cho là đồng như nhau? Trộm nghĩ rằng những người xưa nay không tin Tịnh độ, sự chướng ngại ấy có hai:

1. Người khác gây chướng ngại.

Nói người khác gây chướng ngại. Nghĩa là những truyền thuyết kỳ lạ ở đời không phân biệt phải trái, vì thế đối với những lời dạy của Đức Phật trái lại không chịu tin nhận. Và sơ lược nêu lên vài ba điều, số còn lại chẳng thể nói hết. Như Tuệ Bố trong Tăng truyện chép: Cõi nước tuy thanh tịnh nhưng chẳng phải là chỗ mong muốn của ta. Dù cho mười kiếp ở trong hoa sen hưởng thụ những thú vui sướng thì không bằng ở chỗ cực khổ trong ba đường để cứu độ chúng sinh. Và ở đây nói Bồ-tát được nhẫn thì còn có thể chấp nhận lời nói ấy, nhưng nếu chưa được nhẫn tự mình không thể cứu độ được mình thì làm sao cứu độ được kẻ khác? Luận Trí Độ chép: Kẻ phàm phu còn bị trói buộc có tâm đại bi cứu độ chúng sinh thì không bao giờ có việc ấy. Như chỗ phá trừ trong điều nghi ngờ thứ nhất của Luận Thập Nghi có người chép: Nếu tâm thanh tịnh tức là tự tánh Tây phương thì cần gì phải cầu sinh về cõi Tịnh ở phương khác? Ở đây nói chẳng phải là không có lý ấy nhưng đó là cõi lý pháp tánh trong giáo môn chứ chẳng phải điều mà kinh này nói. Tuy nhiên, những hạng phàm phu còn bị trói buộc chưa lên được địa vị nhẫn thì dù có đốn ngộ tự tâm, thì ai có khả năng thường giữ được tâm thanh tịnh? Pháp tuy mầu nhiệm cao siêu nhưng không gom nhiếp các căn cơ, vì chỉ có những lời nói trống rỗng thì nhờ đâu để tạo phương tiện đi vào?

Lại chép: Tây phương cách đây mười muôn tám ngàn dặm, đó cũng là lầm cho rằng Tây trúc là Tây phương. Kinh chép: Từ đây về Tây phương qua mười muôn ức cõi nước Phật có một thế giới tên là Cực lạc, thì sao lại chỉ có mười muôn tám ngàn dặm ư? Sơ lược chỉ một đoạn, còn các đoạn khác không đáng để bàn luận.

Có người chép: Mười sáu phép quán ấy chỉ bao gồm những hạng

người hạ căn.

Ở đây nói kinh này là pháp viên đốn thượng thừa thành Phật, tâm này là Phật, xuất xứ từ kinh này, bà Vi-đề-hy khi vừa nghe pháp liền dứt vô minh để được Vô sinh nhẫn, còn năm trăm thị nữ phát tâm Bồ-đề chẳng lẽ đều là những hạng người hạ căn ư? Lại chép: Những người niệm Phật khi qua đời cảm được các Đức Phật và các vị Bồ-tát đến đón rước, đều là nghiệp của tự tâm hiện ra chứ thật sự không có các Đức Phật ở các phương khác đến đón rước. Ở đây thấy rõ lời nói đó có nhiều sai lầm.

- Thứ nhất là: Không tin lời Phật dạy. Vì chín phẩm trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói khi qua đời cảm được tướng (Phật và các Bồ-tát) đều là do Đức Phật nói.

- Thứ hai: Không tu hành theo năng lực Phật. Vì Chư Phật, Bồ-tát dùng thệ nguyện từ bi dứt khổ cho vui, không bỏ sót chúng sinh.

- Thứ ba: Không tin thể tánh Phật, vì Phật và chúng sinh thể tánh đều bình đẳng, có cảm có ứng. Nếu Đức Phật không ứng thì ba thân không đầy đủ là chẳng phải Phật. Nếu ba điều ấy không tin thì sẽ tin ai được?

Lại có người chép: Chớ học theo những người ngu để cầu sinh Tịnh độ. Ở đây cho rằng kinh Vô Lượng Thọ chép: Các Bồ-tát trong mười phương đều nguyện vãng sinh Tịnh độ. Hướng chi hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, viên thông của Bồ-tát Đại Thế Chí đều nguyện vãng sinh Tịnh độ. Các bậc thượng thiện Bồ xứ không lui sụt lại là những hạng người ngu ư? Lại, trong Tăng truyện có chép: Ngày xưa vào đời Tiên có các vị Cao tăng như Sinh Dung, Trì Viễn ở núi Thiên Thai, Nam Nhạc, và ở núi Lư có mười tám bậc Hiền đều tu pháp môn này thì cũng lại là những hạng người ngu ư? Nay người vướng mắc chấp chặt vào ba cõi, đam mê tham luyến cõi đời năm thứ vẫn đục để đành cam chịu các thứ khổ mà không chịu suy nghĩ xa lìa thoát khỏi lại là kẻ trí, vì điên đảo gài lại giả cho mình có nhẫn lực vui trụ ba cõi độ sinh phát ra những lời nói như vậy để làm chướng ngại sự tu tập của kẻ khác?

Lại chép: Cầu sinh Tịnh độ, niệm Phật, tu quán đều là những việc chấp tướng chứ chẳng phải pháp siêu việt. Ở đây nói chấp chặt không chấp chặt, là ở cái thấy sáng hay tối trong tâm trí mỗi người, sao lại cứ hễ thấy tu trì thì theo lệ thường đều cho là chấp tướng, buông lung không kèm chế thì đều là người thông thái!?

Hơn nữa, Đức Phật nói không chấp tướng là không chấp chặt các tướng ta, người, chúng sinh, thọ giả... không an trụ chỗ tu hành pháp

tướng, dứt bỏ được hai thứ chấp người và pháp tức là hiểu rõ người và pháp cả hai đều không, đâu từng cho rằng buộc niệm để tiến tu mà gọi là chấp tướng ư? Hơn nữa, người đời thường cạnh tranh ngã và nhân, khoe khoang quyền thế, đam mê thanh sắc, chạy theo danh lợi, vợ vét của cải, lưu luyến vợ con, các tướng như thế từ vô thủy đến nay thường yêu thích ràng buộc, nên Đức Phật khuyên bảo xa lìa thì trái lại càng chấp chặt sâu hơn, còn phương pháp tam-muội niệm Phật từ vô thủy thì chưa hề tu tập qua. Đức Phật khuyên bảo tu tập thì trái lại nghi ngờ chấp tướng. Chúng sinh mê lầm điên đảo đều ở chỗ này. Nay nói nếu tu tập tam-muội niệm Phật thì chắc chắn chẳng phải là chấp tướng. Vì sao? Vì thân Phật là vô tướng thì có gì để có thể chấp chặt?

Luận Đại Trí Độ chép: Gieo trồng ruộng phước Phật đó là tuệ tâm chấp chặt vững chắc. Tùy theo dùng các loại hương hoa để cúng dường các Đức Phật không cùng tận, luận sư Long Thọ chẳng lẽ không hiểu Bát-nhã mà nói chấp chặt vững chắc, chẳng lẽ Ngài cũng chấp tướng hay sao?

Pháp không của Bát-nhã vốn dùng để người tu học sáu độ không trụ tướng, nếu không tu sáu độ thì Bát-nhã làm sao dùng được. Kể thật sự đắc đạo hiểu rõ tu mà không tu, niệm mà không niệm, đó chính là cả ngày tu mà không hề tu, cả ngày niệm mà không hề niệm.

Kinh Kim Cương Bát-nhã chép: Không có ta, người, chúng sinh, thọ giả mà tu tất cả pháp lành thì sẽ được quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế biết kẻ sĩ hiểu rất ráo đâu từng không tu điều lành ư!

Lại có người nói rằng: Khi qua đời nếu thấy các cảnh giới cờ phướn, hoa sen... hiện ra trước mắt đều không được đi. Ở đây nói cảnh hiện ra khi qua đời là do sự chánh niệm và nghiệp lành của tự thân chiêu cảm, cũng có khi do tà tâm gây ra điều ác chiêu cảm thì đâu thể đều bác bỏ cho là việc ma? Huống chi khi các tướng ác hiện ra là theo nghiệp dẫn dắt, thì đâu thể do ý người muốn đi hay không đi? Như người gây ra nghiệp ác thì phải đọa vào ba đường, khi qua đời các tướng ác hiện ra thì dựa vào lý do nào mà không đi? Vì thế biết truyền bá sai lầm không đáng tin.

Có người phát nguyện rằng: Nguyện từ đời này cho đến khi thành bậc Chánh giác, khi chưa đắc đạo thì thân không bị rủi ro bệnh tật, sống lâu không bị chết yểu, khi mạng sống đã hết thì không thấy các đường ác, được sinh làm thân người, thông minh ngay thẳng, không sinh vào nước ác, không gặp vua ác, cho đến ở chỗ sinh ra, được gặp Phật nghe

pháp, đồng chân xuất gia làm tăng hòa hợp. Ở đây nói nếu sinh về Tịnh độ thì không có những tai hoạn rủi ro bệnh tật, chết yểu, nước ác, vua ác, tự nhiên thường gặp Tam bảo, xuất gia làm tăng, nhưng chỉ vì không biết Tịnh độ, nên có lời phát nguyện ấy. Cũng giống như Trần Trừ Lăng nguyện rằng: Nguyện liền sinh trở lại trong loài người, thác sinh ở chỗ không cao, không thấp... Vì người kia là hạng nhà Nho nên chẳng trách ở lời nói, nhưng phần nhiều các vị Tông sư giảng về Thiên lại có kiến chấp ấy và đều chép: Chỉ nguyện đời sau không mất thân người nam, xuất gia học đạo. Thường Thí nói rằng: Nay người đã được thân người nam xuất gia, chỉ nên cầu sự ra khỏi sao lại cầu thân người nam, lại nguyện xuất gia, lơ láo không chịu thắng tiến ư?

2. *Tự mình chướng ngại, lược nói sáu thứ:*

- Một là chép: Khó sinh Tịnh độ, tôi không có sức mạnh nên chẳng chẳng dám quá trông mong, chỉ không mất thân người là đủ .

- Hai là chép: Ta hủy giới, phá trai, nghiệp ác sâu nặng thì Tịnh độ Tây phương đâu thể sinh được?

- Ba là chép: Đức Phật nói thế giới Cực lạc ở Tây phương là dùng quyền để dắt dẫn chúng sinh. Hơn nữa, nghĩ làm điều lành đều không có việc thực tế ấy, thấy tu điều lành lại bị sự chê cười.

- Bốn là chép: Thông minh lợi trí ngộ thẳng tâm mình, tùy theo những việc mình đã làm được chẳng có gì là không hợp đạo thì đâu cần đồng như kẻ sĩ bậc thấp tu hành niệm Phật ư?

- Năm là chép: Người ta sinh ra do huyết khí nhóm họp, giả gọi là thân và khi chết đi trăm xương tan rã, tất cả trở về hư không thì có cõi Tịnh nào để sinh về!

- Sáu là chép: Khi qua đời khởi tưởng cướp lấy thai ấm kia, trong sát-na đổi lấy báo thân mà không trải qua bào thai. Ở đây nói báo thân sắc tâm là do nghiệp đời trước tạo thành, thì đâu có việc thần thức của ta cướp lấy báo thân của kẻ khác? Thiết tưởng thần thức linh diệu trước đã gá vào thai kia thì khi báo thân sinh ra sẽ chẳng phải thân ấm của kẻ khác. Dù cho khởi tưởng có thể cướp lấy thì nhọc sức muốn vào bào thai là vì ý gì?

Đó là trái với chí nguyện của người xuất gia, trái với pháp môn giải thoát, hướng chi lòng đại bi của Phật mở bày pháp môn Tịnh độ, hết lòng khuyên bảo rộng khắp trong các kinh Đại thừa, mắt thấy tai nghe lại sinh tâm nghi ngờ chê bai, tự mình cam chịu chìm đắm, chẳng muốn siêu thăng. Đức Như lai nói ra vì những người đáng thương xót ấy, bởi không biết pháp môn này đặc biệt khác thường, không phân biệt hiền,

ngu xuất gia hoặc tại gia, bất luận tu hành lâu mau, không kể tạo tội nặng nhẹ mà chỉ cần có lòng tin quyết định, tức là gieo trồng nhân vãng sinh. Pháp sư Từ Vân chép: Chỉ có Tịnh nghiệp An Dưỡng là (pháp môn) nhanh thắng nên tu tập. Nếu có bốn chúng muốn được phá trừ vô minh nhanh chóng, dứt trừ hẳn năm tội nghịch, mười điều ác nặng nhẹ... thì nên tu pháp môn này. Muốn được giới thể của Đại thừa và Tiểu thừa trở lại thanh tịnh, được phép tam-muội niệm Phật, thành tựu các pháp Ba-la-mật của Bồ-tát thì nên tu học pháp môn này. Muốn khi qua đời xa lìa các sự sợ hãi, tự tâm bình an vui sướng, các bậc Thánh đều hiện tiền đưa tay dẫn dắt, bước đầu xa lìa trần lao, cho đến đạt được địa vị không lui sụt, không trải qua nhiều kiếp liền được Vô sinh thì nên tu pháp môn này... Pháp ngữ của bậc Hiền xưa có thể không theo, năm môn nói trên đã lược nêu cương yếu, số còn lại đều được nói ở văn giải thích.

Theo Khai Nguyên Tạng Lục thì kinh này gồm có hai bản dịch nhưng bản trước đã mất, còn bản này do ngài Cương-lương-da-xá dịch. Tăng truyện chép: Cương-lương-da-xá, Hán dịch là Thời Xưng, người ở Tây Vực, tánh tình ngay thẳng, cứng rắn, ít ham muốn, khéo thông hiểu ba tạng. Vào niên hiệu Nguyên Gia, đời Tống, ban đầu đến ở Kinh ấp, Văn Đế khen ngợi sự khác thường nên sắc lệnh đến ở tinh xá Đạo Lâm ở núi Chung. Đại sư Tăng Hàm thỉnh Ngài dịch kinh này và Kinh Quán Dược Vương Dược Thượng, Đại sư Tăng Hàm làm người ghi chép, sau đó Sư đến núi Mâu đất Thục, khi trở về mất ở Giang Lăng. Lại, sự giải thích của các đời trước gồm có: Pháp sư Tuệ Viễn, Đại sư Thiên Thai Trí Giả Đời Tùy đều có chương số. Hòa thượng Thiện Đạo Đời Đường, cũng lập Huyền nghĩa, đều được truyền bá ở đời, nhưng do các tông phong còn phế lập hình thành lẫn nhau, cho nên những chỗ giải thích này chọn lựa những điều hay và do đó chắc chắn có sự sai lầm, nhưng chẳng phải không có giềng mối chính đáng.

